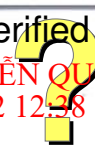


Signature Not Verified

Được ký bởi NGUYỄN QUỐC CHINH
Ngày ký: 23.03.2022 12:38



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 19



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 13 - 30 |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 19 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 869/QĐ-BXD ngày 18 tháng 6 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400450691, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ kinh doanh, trong đó thay đổi lần thứ 13 là ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 787 6376
- Fax : 243 6375

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| Ông Lê Trọng Hưng | Chủ tịch | Ngày 01 tháng 8 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Bình | Thành viên | Ngày 28 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Việt Dũng | Thành viên | Ngày 15 tháng 7 năm 2019 |

Ban điều hành, quản lý

Tổng Giám đốc của Công ty là ông Nguyễn Việt Dũng (bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2019).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Dũng – Tổng giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Dũng

Ngày 22 tháng 03 năm 2022

| | | |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Ha Noi | : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Can Tho | : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0243/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021. Số dư chưa được đối chiếu lần lượt bao gồm: Phải thu khách hàng: 7.088.506.684 VND và 4.293.078.138 VND (xem thuyết minh số V.3), Phải thu khác: 2.224.316.047 VND và 1.955.115.259 VND (xem thuyết minh số V.5), Phải trả người bán ngắn hạn: 6.957.890.484 VND và 10.854.882.868 VND (xem thuyết minh số V.7) và Phải trả ngắn hạn khác: 7.203.285.051 VND và 7.714.499.617 VND (xem thuyết minh số V.11). Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản công nợ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021, cũng như ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty (nếu có).
- Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các số dư nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán lâu ngày. Số dự phòng phải trích thêm theo chính sách kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021 ước tính lần lượt là: 9.668.320.718 VND và 12.287.280.340 VND. Nếu Công ty ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên thì trên Bảng cân đối kế toán ảnh hưởng tăng chi tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và giảm chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021 giá trị lần lượt là 9.668.320.718 VND và 12.287.280.340 VND.
- Công ty thực hiện xóa sổ các khoản công nợ phải thu và phải trả quá hạn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 16/NQ-ĐH ĐCĐ/2021 ngày 29 tháng 5 năm 2021, lần lượt là 1.234.133.588 VND và 4.867.722.301 VND (xem thuyết minh số V.13). Chúng tôi không được cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc xóa nợ nêu trên theo quy định. Do vậy, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý của các nội dung xóa nợ nêu trên và không đánh giá được các sự kiện phát sinh sau ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính các năm (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về lỗ lũy kế của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 37.191.154.390 VND. Điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 25.347.181.896 | 30.958.096.437 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 899.684.513 | 106.854.216 |
| 1. Tiền | 111 | | 899.684.513 | 106.854.216 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 5.450.000.000 | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 5.514.672.635 | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (64.672.635) | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 18.717.358.263 | 30.299.960.395 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 17.614.126.008 | 20.098.495.214 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 63.750.000 | 1.281.580.629 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 3.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 21.094.622.460 | 30.206.605.386 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (23.055.140.205) | (27.286.720.834) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | 282.679.091 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | 282.679.091 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 280.139.120 | 268.602.735 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 280.139.120 | 268.602.735 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 9.463.371.805 | 716.063.433 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | - | - |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 162.500.000 | 162.500.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (162.500.000) | (162.500.000) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 9.463.371.805 | 716.063.433 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 4.590.000.000 | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 5.053.702.355 | 900.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (180.330.550) | (183.936.567) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 34.810.553.701 | 31.674.159.870 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 22.001.708.091 | 26.976.277.677 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 22.001.708.091 | 26.976.277.677 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.7 | 7.011.236.926 | 11.367.744.661 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.8 | 559.961.000 | 559.961.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.9 | 4.425.056.867 | 4.505.056.867 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 370.460.715 | 391.486.020 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.10 | 1.834.544.718 | 1.834.544.718 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.11 | 7.788.994.528 | 8.306.031.074 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 11.453.337 | 11.453.337 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 12.808.845.610 | 4.697.882.193 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.12 | 12.808.845.610 | 4.697.882.193 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (37.191.154.390) | (45.302.117.807) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (45.302.117.807) | (45.302.117.807) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 8.110.963.417 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 34.810.553.701 | 31.674.159.870 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Chính

Nguyễn Quốc Chính

Nguyễn Việt Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VL.1 | - | 785.446.605 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | - | 785.446.605 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VL.2 | - | 1.186.151.082 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | - | (400.704.477) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VL.3 | 1.909.745.290 | 470.154.280 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VL.4 | (2.291.359.492) | 677.931.177 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 98.500.277 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VL.5 | 672.631.616 | 948.446.716 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.528.473.166 | (1.556.928.090) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VL.6 | 4.867.722.301 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VL.7 | 285.232.050 | 85.651.545 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 4.582.490.251 | (85.651.545) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 8.110.963.417 | (1.642.579.635) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 8.110.963.417 | (1.642.579.635) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VL.8 | 1.622 | (329) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VL.8 | 1.622 | (329) |

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Chính

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Chính

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Việt Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 8.110.963.417 | (1.642.579.635) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | - | - |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (4.170.514.011) | 47.487.389 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | - | (209.920.239) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 98.500.277 | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 4.038.949.683 | (1.805.012.485) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 12.802.646.376 | (6.397.575.302) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 282.679.091 | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (4.974.569.586) | (3.538.560.388) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | - | - |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | (5.514.672.635) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (98.500.277) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 6.536.532.652 | (11.741.148.175) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 454.548.455 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.4 | 3.000.000.000 | 10.600.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2 | (8.743.702.355) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | 295.571.784 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (5.743.702.355) | 11.350.120.239 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------|----------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 792.830.297 | (391.027.936) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 106.854.216 | 497.882.152 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 899.684.513 | 106.854.216 |

Người lập biểu



Nguyễn Quốc Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Chinh

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện xử lý các khoản công nợ phải thu và phải trả quá hạn thanh toán theo tờ trình số 1405/TTr/HĐQT ngày 14 tháng 4 năm 2021. Phương án xử lý công nợ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 16/NQ ĐH ĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2021 (xem thuyết minh V.13).

Trong năm, Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần SJM Hải Dương theo Nghị quyết số 0110/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 10 năm 2021 (xem thuyết minh V.2), tỷ lệ sở hữu của Công ty là 51% vốn điều lệ.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 04 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 04 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con và công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con và công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi đã bù trừ với các khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho của Công ty chỉ bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Máy móc và thiết bị

Số năm

3 - 12

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu của đơn vị trong năm là tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt | 4.623.089 | 226.350 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 895.061.424 | 106.627.866 |
| Cộng | 899.684.513 | 106.854.216 |

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Chứng khoán kinh doanh**

| | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc | Số cuối năm Giá trị hợp lý | Dự phòng |
|---|----------------------|----------------------|-------------------------------|---------------------|
| Mã chứng khoán | | | | |
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM) | 100.000 | 5.062.672.635 | 5.000.000.000 | (62.672.635) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương (ACC) | 10.000 | 260.000.000 | 341.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) | 10.000 | 192.000.000 | 190.000.000 | (2.000.000) |
| Cộng | | 5.514.672.635 | 5.531.500.000 | (64.672.635) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-------------------|-----------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 64.672.635 | - |
| Số cuối năm | 64.672.635 | - |

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 4.590.000.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần SJM Hải Dương ⁽ⁱ⁾ | 4.590.000.000 | - | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5.053.702.355 | (180.330.550) | 900.000.000 | (183.936.567) |
| Công Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾ | 4.153.702.355 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring | 400.000.000 | - | 400.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên | 500.000.000 | (180.330.550) | 500.000.000 | (183.936.567) |
| Cộng | 9.643.702.355 | (180.330.550) | 900.000.000 | (183.936.567) |

⁽ⁱ⁾ Thực hiện Nghị quyết số 0110/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công ty đã chuyển tiền góp vốn thành lập Công ty cổ phần SJM Hải Dương với số tiền là 4.590.000.000 VND để sở hữu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần SJM Hải Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Trong năm, Công ty đã mua 1.330.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà với giá mua là 4.147.210.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.330.000 cổ phiếu, tương đương 15,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-------------|-------------|
| Số đầu năm | 183.936.567 | 136.449.178 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 47.487.389 |
| Hoàn nhập dự phòng | (3.606.017) | - |
| Số cuối năm | 180.330.550 | 183.936.567 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 3 | 6.814.541.925 | 6.814.541.925 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và khu Công nghiệp Sông Đà (Sudico) | 2.730.453.541 | 2.730.453.541 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà | 2.519.056.490 | 4.469.056.490 |
| Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu | 816.444.393 | 1.348.260.640 |
| Các khách hàng khác | 4.733.629.659 | 4.736.182.618 |
| Cộng | 17.614.126.008 | 20.098.495.214 |
| Trong đó: | | |
| Công nợ đã dự phòng | 1.761.850.866 | 1.761.850.866 |
| Công nợ chưa được đối chiếu | 7.088.506.684 | 4.293.078.138 |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Trương Văn Tuấn vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 3.229.000.500 | (587.000.000) | 12.349.717.500 | (587.000.000) |
| Ký cược, ký quỹ | 4.000.000 | - | 4.000.000 | - |
| Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên | 137.041.547 | - | 137.041.547 | - |
| Phải thu của các chủ nhiệm công trình giao khoán | 17.706.289.339 | (17.706.289.339) | 17.706.289.339 | (17.706.289.339) |
| Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa | 8.734.074 | - | - | - |
| Phải thu Ban Quản lý dự án Giao thông Nông thôn Đà Nẵng tiền đền bù giải phóng mặt bằng | 9.557.000 | - | 9.557.000 | - |
| Cộng | 21.094.622.460 | (18.293.289.339) | 30.206.605.386 | (18.293.289.339) |
| Công nợ chưa được đối chiếu và chưa thực hiện dự phòng khó đòi | 2.224.316.047 | - | 1.955.115.259 | - |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn

Toàn bộ các khoản nợ phải thu sau đây đều có thời hạn quá hạn trên 3 năm và được Công ty xác định là không có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng 100% chi tiết như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu khách hàng | 1.761.850.866 | 1.761.850.866 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 27 | 304.975.343 | 304.975.343 |
| Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư phát triển SUDICO | 1.309.147.480 | 1.309.147.480 |
| Các khách hàng khác | 147.728.043 | 147.728.043 |
| Trả trước cho người bán | - | 1.231.580.629 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thành Công | - | 100.000.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Thảo | - | 201.831.740 |
| Công ty TNHH Hải Triều | - | 150.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Cốc Hà Tĩnh | - | 580.922.170 |
| Các khách hàng khác | - | 198.826.719 |
| Phải thu tiền cho vay | 3.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Ông Trương Văn Tuấn | 3.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Phải thu về tạm ứng | 587.000.000 | 587.000.000 |
| Ông Nguyễn Tấn Linh | 587.000.000 | 587.000.000 |
| Phải thu của các chủ nhiệm công trình giao khoán | 17.706.289.339 | 17.706.289.339 |
| Ông Phạm Tiến Hoàng | 1.119.695.850 | 1.119.695.850 |
| Ông Cao Đức Hạnh | 1.175.427.225 | 1.175.427.225 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ông Nguyễn Hoàng Anh | 2.827.751.831 | 2.827.751.831 |
| Ông Nguyễn Hữu Hồng | 4.598.748.250 | 4.598.748.250 |
| Ông Đậu Văn Mạnh | 1.039.029.009 | 1.039.029.009 |
| Ông Châu Hà Nhân | 675.703.098 | 675.703.098 |
| Ông Hàn Lưu Thanh Tùng | 4.858.538.455 | 4.858.538.455 |
| Ông Cầu Biện Tứ Cầu | 5.147.265 | 5.147.265 |
| Ông Hồ Văn Tuệ | 1.406.248.356 | 1.406.248.356 |
| Cộng | 23.055.140.205 | 27.286.720.834 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 27.286.720.834 | 27.286.720.834 |
| Hoàn nhập dự phòng | (3.000.000.000) | - |
| Sử dụng dự phòng | (1.231.580.629) | - |
| Số cuối năm | 23.055.140.205 | 27.286.720.834 |

7. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà (Sudico) | 3.276.504.000 | 3.276.504.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 3.734.732.926 | 8.091.240.661 |
| Cộng | 7.011.236.926 | 11.367.744.661 |
| Công nợ chưa được đối chiếu | 6.957.890.484 | 10.854.882.868 |
| Nợ quá hạn chưa thanh toán | 7.011.236.926 | 11.367.744.661 |

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | 455.858.000 | 455.858.000 |
| Ban quản lý dự án Hạ tầng | 104.103.000 | 104.103.000 |
| Cộng | 559.961.000 | 559.961.000 |

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|----------------------|---------------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 2.134.725.297 | (80.000.000) | 2.054.725.297 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 51.054.945 | - | 51.054.945 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 2.319.276.625 | - | 2.319.276.625 |
| Cộng | 4.505.056.867 | (80.000.000) | 4.425.056.867 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 8.110.963.417 | (1.642.579.635) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (2.429.535.900) | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 285.232.050 | - |
| <i>Xóa sổ công nợ</i> | 2.552.959 | - |
| <i>Chi phí công trình không có khả năng thu hồi</i> | 282.679.091 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm (hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu khó đòi) | (3.000.000.000) | - |
| Thu nhập chịu thuế | 5.681.427.517 | (1.642.579.635) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | (5.681.427.517) | - |
| Thu nhập tính thuế | - | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Chi tiết lỗ được chuyển như sau:

| Năm phát sinh lỗ | Số lỗ phát sinh | Số lỗ được chuyển | Số lỗ đã chuyển | Số lỗ còn được chuyển |
|------------------|------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|
| Năm 2016 | (1.896.216.280) | (1.046.405.434) | - | (1.046.405.434) |
| Năm 2018 | (3.577.860.226) | (3.577.860.226) | - | (3.577.860.226) |
| Năm 2020 | (1.642.579.635) | (1.642.579.635) | - | (1.642.579.635) |
| Năm 2021 | - | - | 5.681.427.517 | 5.681.427.517 |
| Cộng | (7.116.656.741) | (6.266.845.295) | 5.681.427.517 | (585.417.778) |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí công trình.

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công trình Thủy điện Xekaman 3 | 150.920.792 | 150.920.792 |
| Công trình Thủy điện Lai Châu | 1.418.947.857 | 1.418.947.857 |
| Công trình Thủy điện Pleikrong | 264.676.069 | 264.676.069 |
| Cộng | 1.834.544.718 | 1.834.544.718 |

11. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 585.709.477 | 585.709.477 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | - | 5.821.980 |
| Các quỹ ủng hộ tự nguyện | 42.944.092 | 42.944.092 |
| Phải trả các chủ nhiệm công trình | 347.470.508 | 858.685.074 |
| Phải trả chi phí lãi vay | 6.705.402.923 | 6.705.402.923 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 107.467.528 | 107.467.528 |
| Cộng | 7.788.994.528 | 8.306.031.074 |
| Công nợ chưa được đối chiếu | 7.203.285.051 | 7.714.499.617 |
| Nợ quá hạn chưa thanh toán | 7.063.781.431 | 7.574.995.997 |

12. Vốn chủ sở hữu

12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu như sau:

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước | 50.000.000.000 | (43.659.538.172) | 6.340.461.828 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | (1.642.579.635) | (1.642.579.635) |
| Số dư cuối năm trước | 50.000.000.000 | (45.302.117.807) | 4.697.882.193 |
| Số dư đầu năm nay | 50.000.000.000 | (45.302.117.807) | 4.697.882.193 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | 8.110.963.417 | 8.110.963.417 |
| Số dư cuối năm nay | 50.000.000.000 | (37.191.154.390) | 12.808.845.610 |

12b. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 5.000.000 | 5.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Là các khoản nợ đã xóa sổ, bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả phát sinh lâu ngày đến nay không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|-------------------|
| Nợ phải thu | | |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita (Phải thu khách hàng) | 2.552.959 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Cốc Hà Tĩnh (Trả trước người bán) | 580.922.170 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Thảo (Trả trước người bán) | 201.831.740 | - |
| Các đối tượng khác | 498.443.614 | 49.616.895 |
| Cộng | 1.283.750.483 | 49.616.895 |
| Nợ phải trả nhà cung cấp | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Việt Nam | 310.658.142 | - |
| Công ty TNHH Thành Nguyễn Phát | 299.000.000 | - |
| Các đối tượng khác | 3.749.296.543 | - |
| Nợ phải trả khác | | |
| Ông Nguyễn Văn Yên | 395.430.223 | - |
| Các đối tượng khác | 115.784.343 | - |
| Cộng | 4.867.722.301 | - |

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 16/NQ-ĐH ĐCĐ/2021 ngày 29 tháng 5 năm 2021 đã phê duyệt tờ trình số 1405/TTr/HĐQT ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc xóa nợ các khoản phải thu, phải trả nêu trên.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|---------|--------------------|
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | - | 256.196.588 |
| Doanh thu cho thuê tài sản | - | 529.250.017 |
| Cộng | | 785.446.605 |

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|----------|----------------------|
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | - | 76.891.809 |
| Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản | - | 1.109.259.273 |
| Cộng | - | 1.186.151.082 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | - | 295.571.784 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 2.176.290 | 602.496 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 25.000.000 |
| Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh | 1.907.569.000 | 148.980.000 |
| Cộng | 1.909.745.290 | 470.154.280 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 98.500.277 | - |
| Chi phí đền bù hợp đồng tiền gửi | - | 536.211.059 |
| Lỗ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh | 441.766.850 | 79.598.000 |
| Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư | (2.938.933.382) | 47.487.389 |
| Chi phí tài chính khác | 107.306.763 | 14.634.729 |
| Cộng | (2.291.359.492) | 677.931.177 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|--------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 548.945.115 | 833.373.866 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.200.000 | 11.500.000 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | - | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 88.352.864 | 49.529.200 |
| Các chi phí khác | 31.133.637 | 51.043.650 |
| Cộng | 672.631.616 | 948.446.716 |

6. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|-----------|
| Các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ (*) | 4.867.722.301 | - |
| Cộng | 4.867.722.301 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|-------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | - | 85.651.545 |
| Chi phí công trình không có khả năng thu hồi | 282.679.091 | - |
| Xử lý các khoản nợ khó đòi - Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita (*) | 2.552.959 | - |
| Cộng | 285.232.050 | 85.651.545 |

(*) Xem thuyết minh số V.13.

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.110.963.417 | (1.642.579.635) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 8.110.963.417 | (1.642.579.635) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.622 | (329) |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.200.000 | 11.500.000 |
| Chi phí nhân công | 548.945.115 | 833.373.866 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 88.352.864 | 126.421.009 |
| Chi phí khác | 34.133.637 | 54.043.650 |
| Cộng | 672.631.616 | 1.025.338.525 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: Tầng 3, số nhà 8, ngõ 7, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | | <u>Tiền lương</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|---|---------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc | | | | |
| Lê Trọng Hưng | Chủ tịch | 11.782.905 | 60.000.000 | 71.782.905 |
| Nguyễn Việt Dũng | Tổng Giám đốc | 32.127.714 | 36.000.000 | 68.127.714 |
| Nguyễn Thị Thanh Bình | Thành viên | 97.422.702 | 36.000.000 | 133.422.702 |
| Cộng | | 141.333.321 | 132.000.000 | 273.333.321 |

Năm trước

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

| | | | | |
|-----------------------|------------------------------|--------------------|----------|--------------------|
| Lê Trọng Hưng | Chủ tịch (từ ngày 8/7/2020) | 71.792.773 | - | 71.792.773 |
| Bùi Tuấn Dũng | Chủ tịch (đến ngày 8/7/2020) | 72.045.156 | - | 72.045.156 |
| Nguyễn Việt Dũng | Tổng Giám đốc | 119.994.282 | - | 119.994.282 |
| Nguyễn Thị Thanh Bình | Thành viên | 96.131.318 | - | 96.131.318 |
| Cộng | | 359.963.529 | - | 359.963.529 |

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Công ty không có các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 37.191.154.390 VND. Ngoài ra, trong năm đơn vị không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tích cực xin gia hạn nợ đối với các khoản nợ phải trả người bán và nợ vay đến hạn cũng như thu hồi các khoản công nợ phải thu để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất 12 tháng kể từ ngày Tổng Giám đốc phê chuẩn Báo cáo tài chính này. Công ty cũng đang tích cực đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, đấu thầu các dự án mới. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyễn Việt Dũng

